TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST Ngày 25-01-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lượng

Bà Khúc Thị Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Đặng Thị Minh L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; địa chỉ Trung tâm: Số A, đường L, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 13/9/2023 và bản tự khai ngày 27/11/2023, nguyên đơn anh H trình bày: Anh tự nguyện chung sống với chị Vũ Thị T thời

gian từ đầu năm 2016, nhưng đến ngày 26/5/2017 mới làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K2, tỉnh Hải Dương. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2018 đến nay ngày càng trầm trọng do phong cách sống không còn phù hợp, không thống nhất trong làm ăn kinh tế và chia sẻ công việc trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù gia đình hai bên, thôm xóm đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Anh đã sống ly thân chị T từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh xin ly hôn chị Vũ Thị T.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Hà M, sinh ngày 23/12/2017, đang do anh nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu M đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con tốt.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp và hòa giải, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, chị T vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, bà L trình bày: Thống nhất với anh H về thời gian kết hôn, thời gian anh H và chị T chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn anh chị phát sinh từ đầu năm 2018 do phong cách sống không còn phù hợp, không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Chị T hiện nay thuộc đối tượng người khuyết tật nặng và đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 750.000 đồng/tháng; do vậy chị T được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí. Qua tiếp xúc với chị T và gia đình, bà L nhận thấy chị T và gia đình đồng ý việc anh H xin ly hôn và không có yêu cầu đề nghị gì khác. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Hà M, sinh ngày 23/12/2017, đang do anh H nuôi dưỡng. Bản thân chị T sức khỏe không tốt, không tự mình chăm sóc bản thân được, còn anh H có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ăn ở đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con tốt. Do vậy, đề nghị Tòa án giao cháu M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chấp hành đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh H là nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T là bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn chị T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 23/12/2017 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh H xin ly hôn chị T và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Chị T đang cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện K; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh H là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K2 ngày 26/5/2017. Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T được xác định là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, không thống nhất trong làm ăn kinh tế và chia sẻ công việc trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét hôn nhân giữa anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh H được ly hôn chị T là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Hà M, sinh ngày 23/12/2017, hiện đang do anh H nuôi dưỡng. Nguyện vọng của anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến khi đủ 18 tuổi. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện anh H có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt. Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Vũ Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 23/12/2017 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004623 ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Nguyễn Văn H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K1, huyện K2;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà